

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12/11/2019

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đình Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi và ông Trương Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/QĐST-HNGĐ, ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1989. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 04, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1980, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 04, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/6/2019, lời khai của chị Nông Thị T trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa: Chị Nông Thị T và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Trong quá trình sống chung chị T và anh T thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là vì anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Vì thấy hết tình cảm với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T. Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Trần Nhật P, sinh ngày 07/02/2011 và cháu Trần Phương T, sinh ngày 26/10/2015. Về tài sản chung thì chưa tạo lập được tài sản, không vay mượn và nợ ai tài sản gì.

- Đối với anh Trần Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và thông báo hòa giải đoàn tụ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Kết quả xác minh tại Công an xã Đăk Rla thì anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 04, xã Đ, huyện Đ và có mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là ông Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

- *Kết quả thu thập chứng cứ:*

Tại biên bản xác minh ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh, chị thì chính quyền không nắm được vì khi xảy ra mâu thuẫn chị T, anh T không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà:* Việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn đã tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đối với bị đơn không hợp tác, không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị T. Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T; Giao cháu Trần Nhật P, sinh ngày 07/02/2011 cho chị Nông Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao cháu Trần Phương T, sinh ngày 26/10/2015 cho anh Trần Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thảo đủ 18 tuổi trưởng thành. Về án phí: Chị Nông Thị T nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn anh Trần Văn T có địa chỉ tại Thôn 04, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn T vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được; Ngày 09/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã thông báo cho anh Trần Văn T biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Trần Văn T vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của anh Trần Văn T đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Trần Văn T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn T là phù hợp.

Ngày 09/10/2019 chị Nông Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Nông Thị T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nông Thị T:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Nông Thị T và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số 13/2010, ngày 17/3/2010. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, chị T thừa nhận chị không còn tình cảm với anh T, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và giải quyết cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T.

[2.2] *Về con chung*: Chị Nông Thị T có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Nhật P, sinh ngày 07/02/2011 và giao cháu Trần Phương T, sinh ngày 26/10/2015 cho anh Trần Văn T điều này thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Cháu Trần Nhật P, sinh ngày 07/02/2011 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, cháu Trần Phương T, sinh ngày 26/10/2015 vẫn đang còn nhỏ. Mặt khác trong quá trình giải quyết, anh T cũng không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản thể hiện quan điểm, nguyện vọng của anh T đối với việc nuôi con sau ly hôn. Tuy nhiên từ khi mâu thuẫn vợ chồng đến nay chị T đã bỏ nhà đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu P và T đều do anh T trực tiếp nên việc giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng là không phù hợp, sẽ ảnh hưởng đến việc học tập và phát triển bình thường của cháu P. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Trần Nhật P, sinh ngày 07/02/2011 và

cháu Trần Phương T, sinh ngày 26/10/2015 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do anh T không hợp tác nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà đối với quan hệ hôn nhân là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Đối với con chung đề nghị giao cháu Trần Nhật P, sinh ngày 07/02/2011 cho chị Nông Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao cháu Trần Phương T, sinh ngày 26/10/2015 cho anh Trần Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành là có căn cứ, tuy nhiên không phù hợp với cuộc sống hiện tại và học tập của hai cháu P và T, do đó hội đồng xét xử nghĩ cần giao hai cháu cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị T. Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nhật P, sinh ngày 07/02/2011 và cháu Trần Phương T, sinh ngày 26/10/2015 cho anh Trần Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Nông Thị T, được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung. Anh T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nông Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001669 ngày 22/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Rla
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Minh